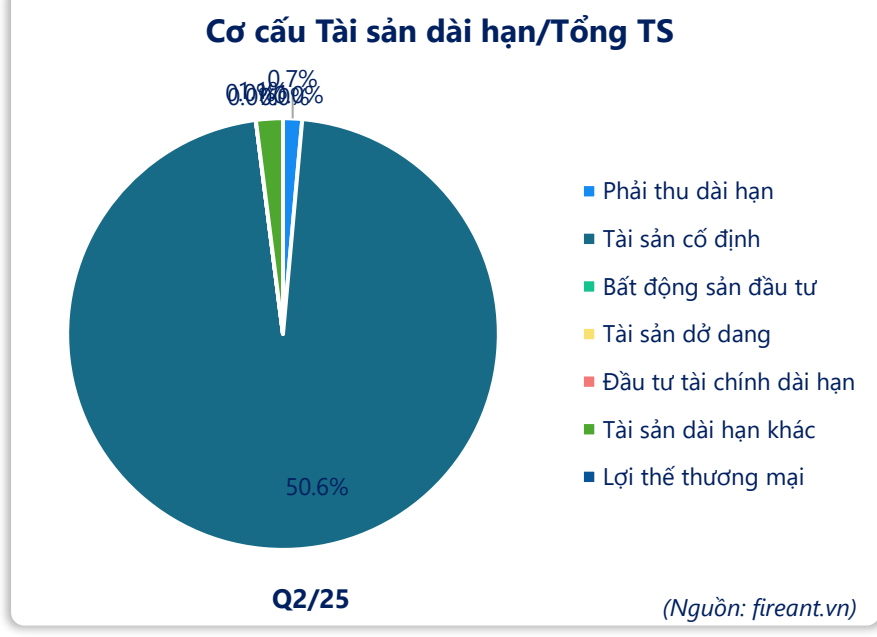
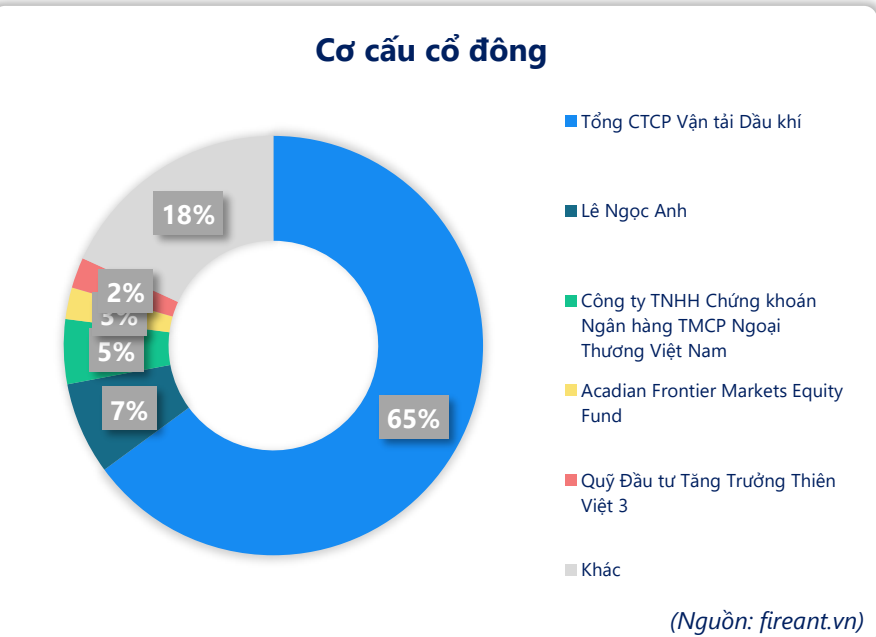
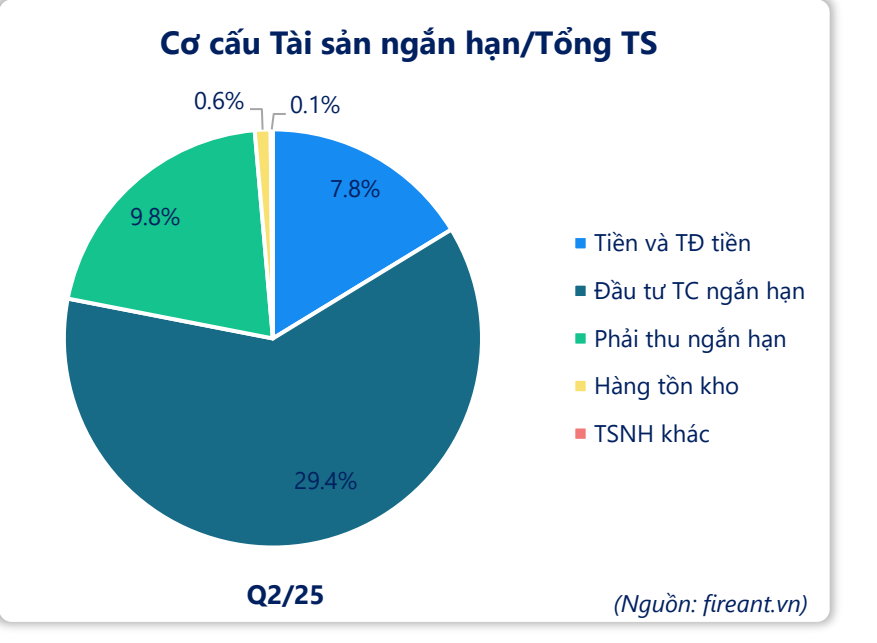
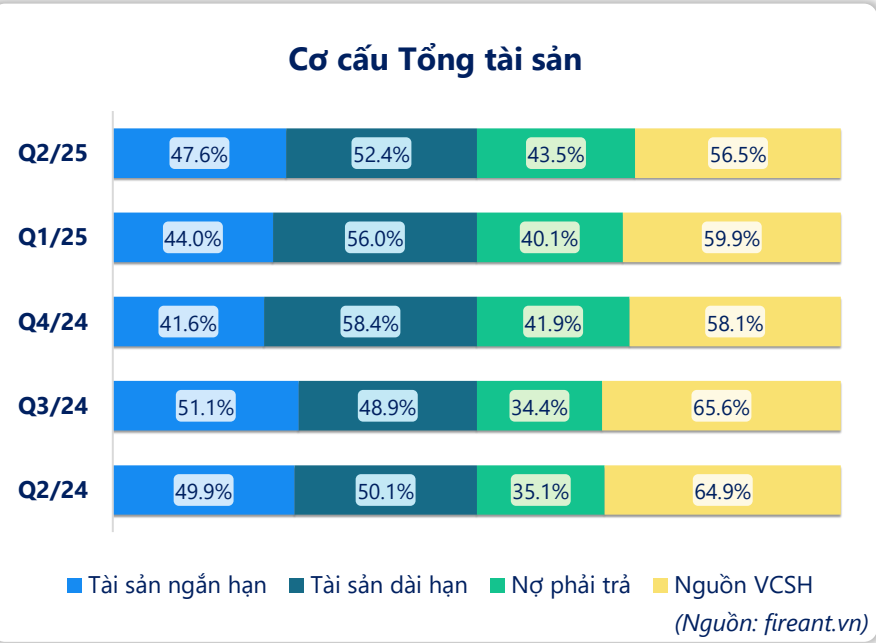
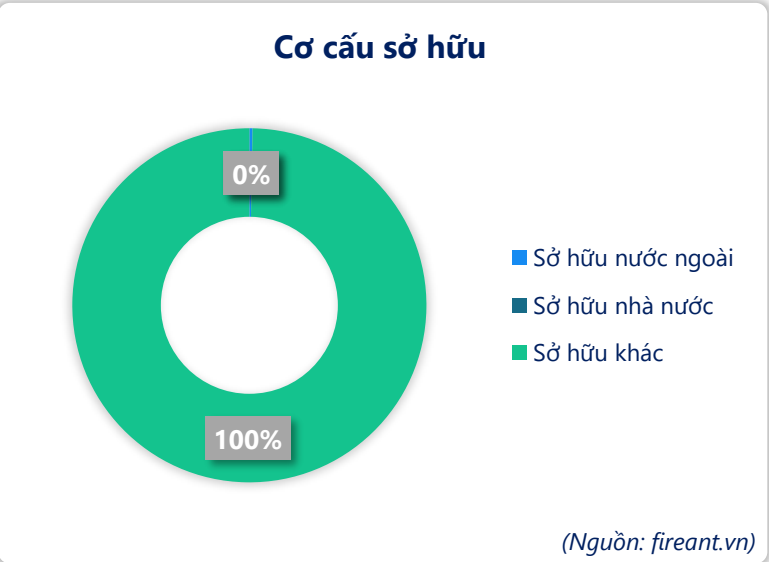
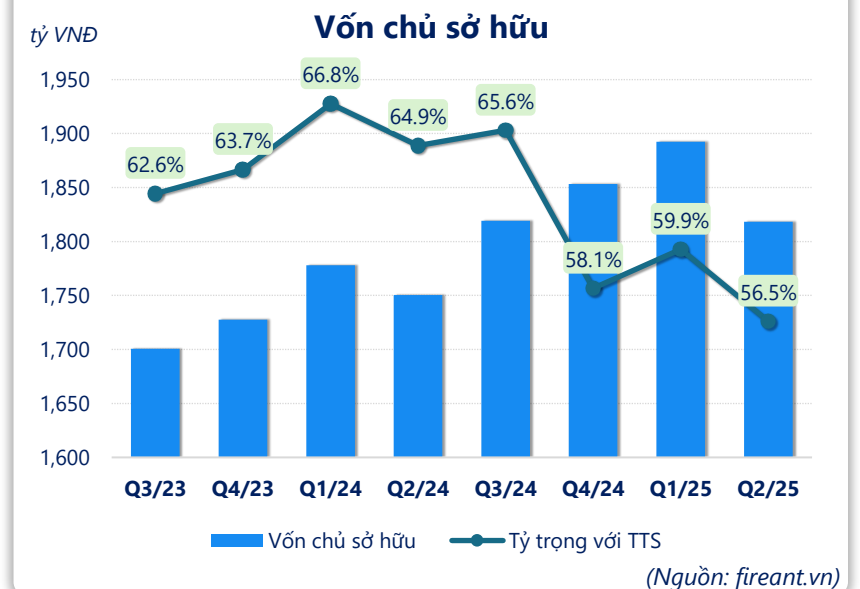
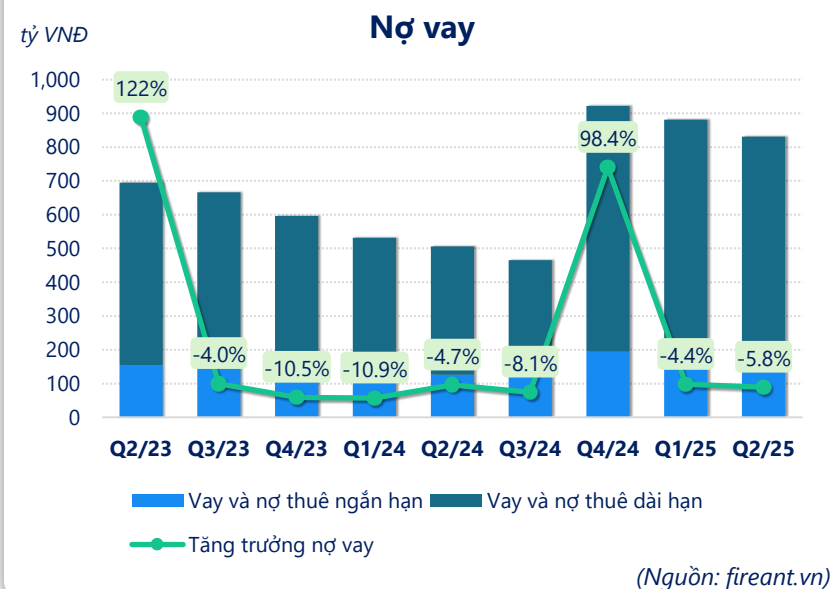
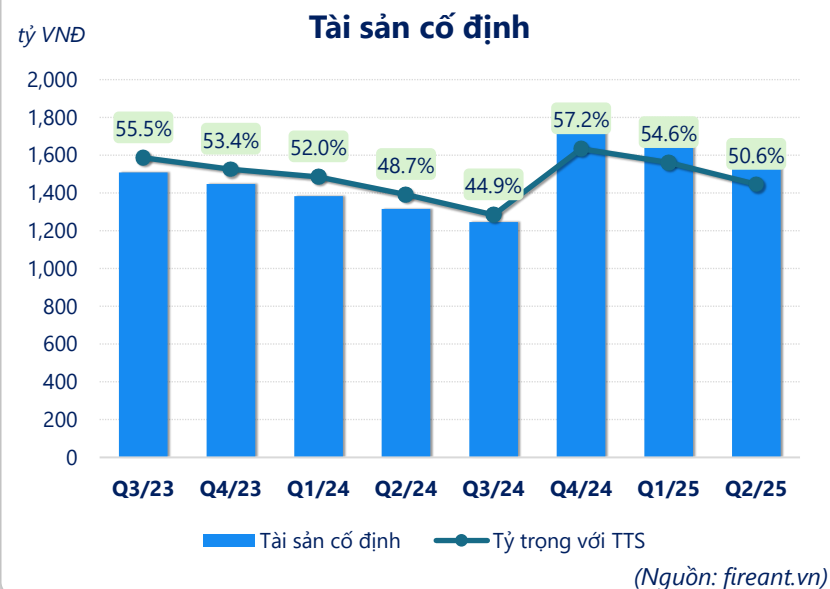
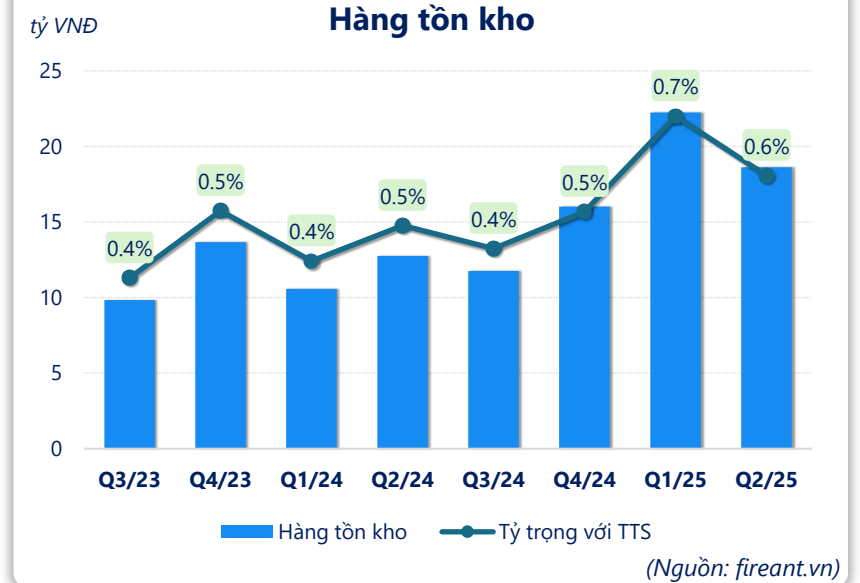
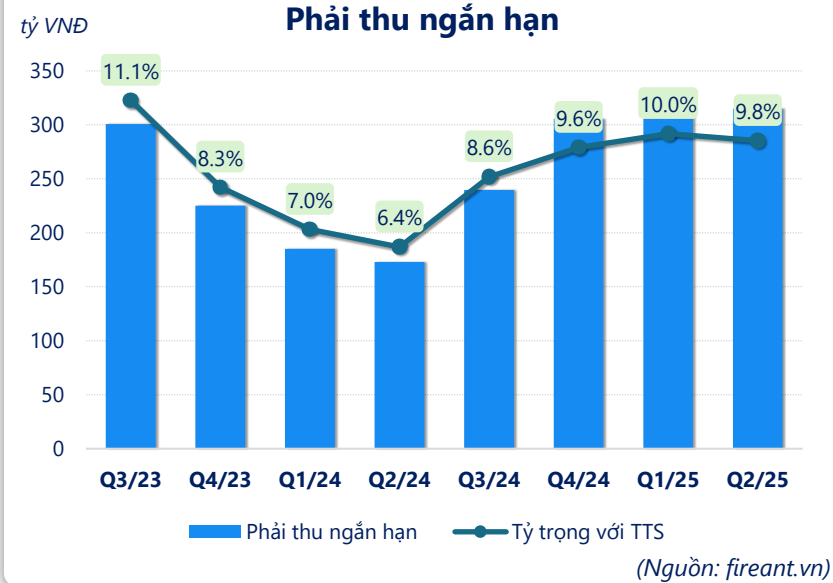
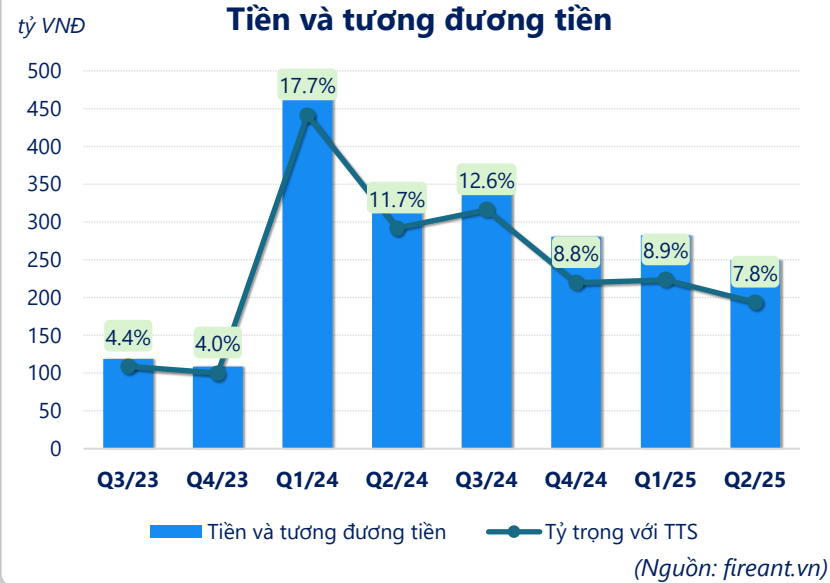
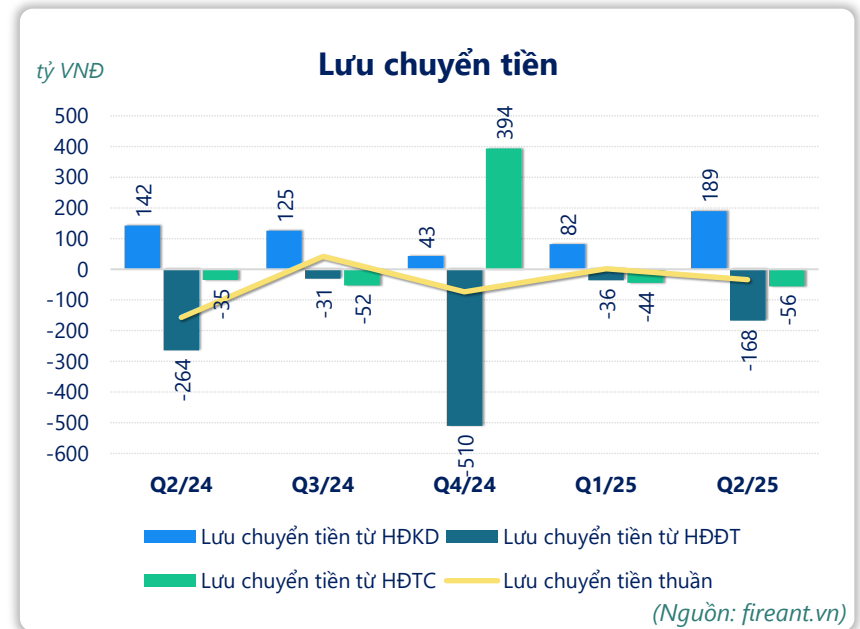
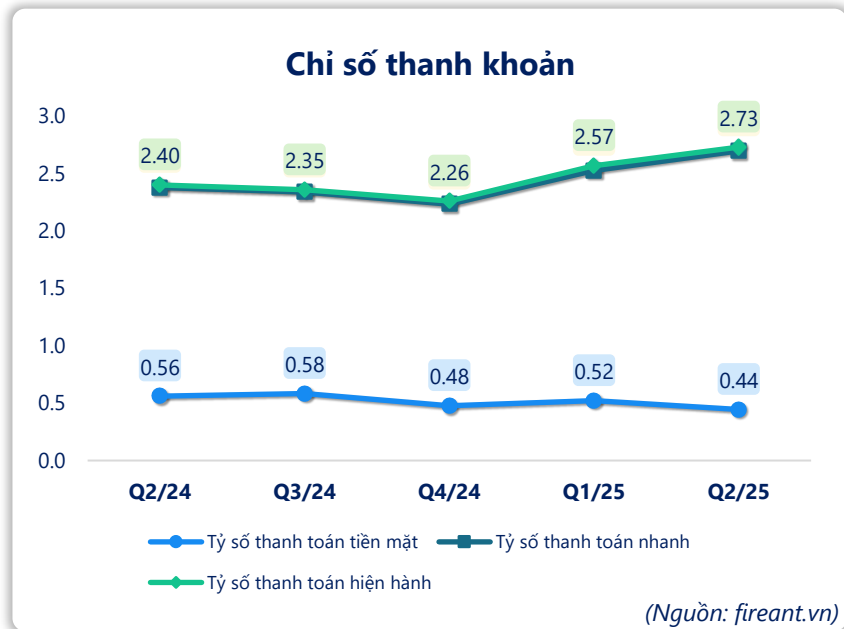
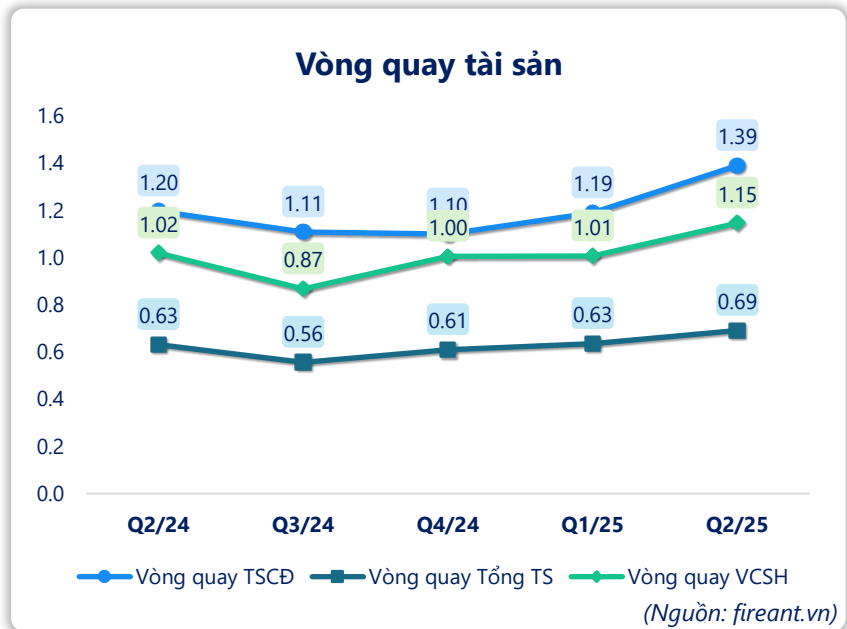
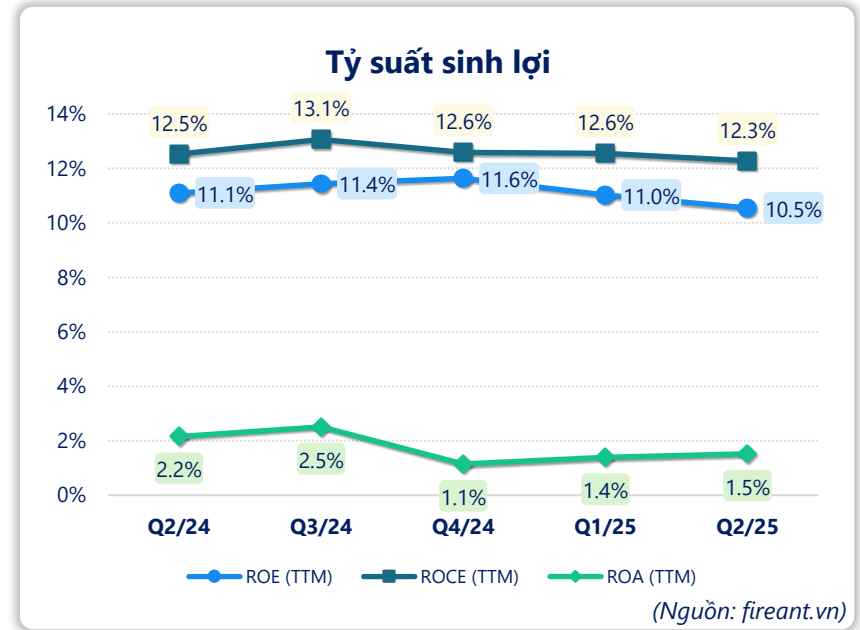
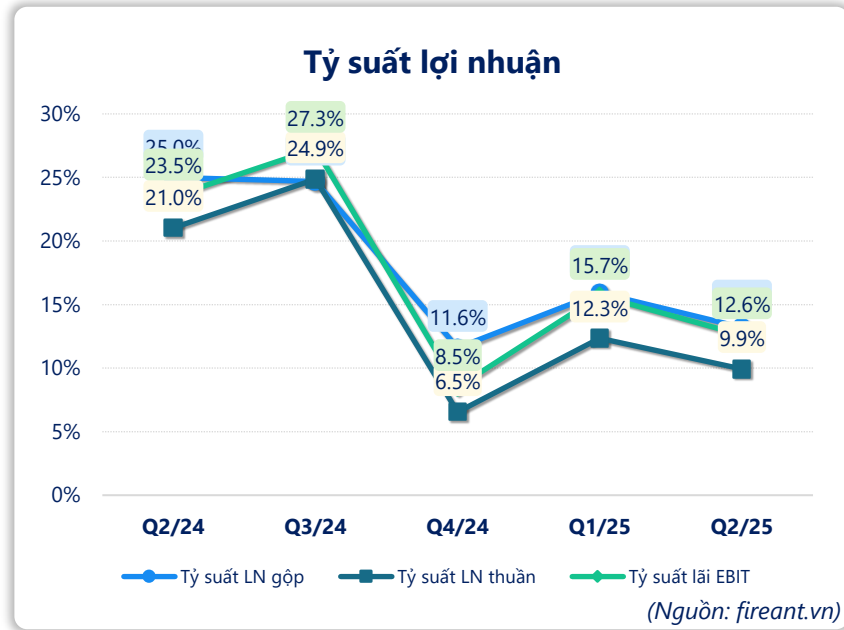
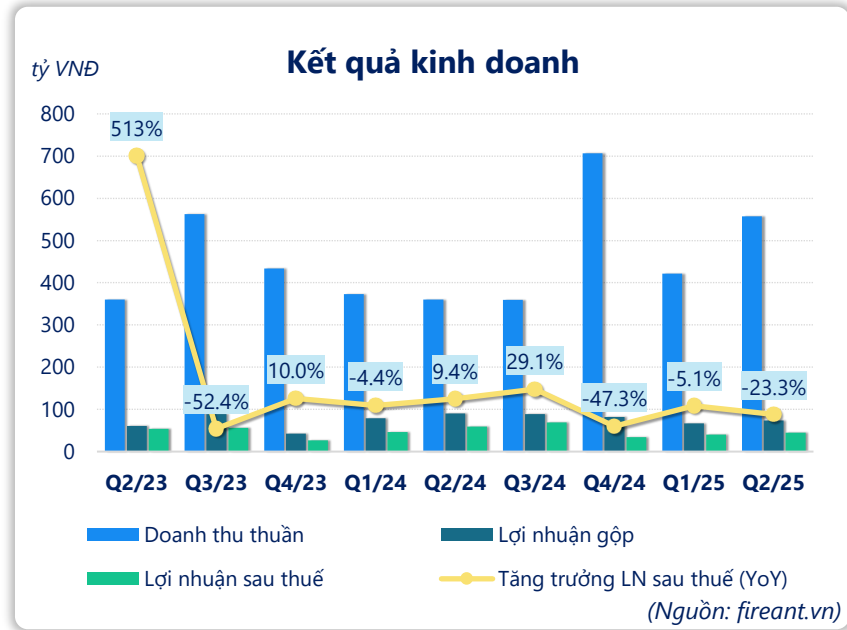


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		18,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,850
SL cổ phiếu LH		103,702,452
KLGD BQ 20 phiên (CP)		203,620
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,602
P/E		8.5
EPS		1,815

	YTD	1T	3T	6T
PVP	-14.6%	5.5%	-1.0%	-12.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,219	3,186	1.0%
Tài sản ngắn hạn	1,532	1,321	16.0%
Tiền và tương đương tiền	250	281	-11.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	947	721	31.3%
Phải thu ngắn hạn	315	300	4.9%
Hàng tồn kho	18.6	16.0	16.2%
Tài sản ngắn hạn khác	2.73	3.87	-29.3%
Tài sản dài hạn	1,686	1,865	-9.6%
Phải thu dài hạn	24.1	10.8	123%
Tài sản cố định	1,628	1,823	-10.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	33.9	30.7	10.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,400	1,334	5.0%
Nợ ngắn hạn	562	583	-3.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	188	194	-3.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	157	163	-3.3%
Nợ dài hạn	839	751	11.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	642	728	-11.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,818	1,852	-1.8%
Vốn chủ sở hữu	1,818	1,852	-1.8%
Vốn điều lệ	1,037	1,037	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	360	359	707	421	557
Giá vốn hàng bán	270	271	625	354	483
Lợi nhuận gộp	90.0	88.6	81.9	67.0	73.5
Doanh thu HĐTC	10.9	21.3	12.8	12.3	17.5
Chi phí TC	17.6	11.2	25.2	17.6	23.4
Chi phí lãi vay	9.17	8.68	13.9	14.1	13.6
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.59	9.47	23.3	9.79	12.3
LN thuần từ HĐKD	75.7	89.3	46.2	52.0	55.4
Lợi nhuận khác	-0.26	-0.09	0.00	-0.01	1.18
LN trước thuế	75.4	89.2	46.2	51.9	56.5
Lợi nhuận sau thuế	59.1	68.9	33.9	40.4	45.0
LNST của CĐ cty mẹ	59.1	68.9	33.9	40.4	45.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	142	125	43.1	81.8	189
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-264	-31.1	-510	-36.0	-168
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.7	-52.5	394	-44.3	-55.8
Tiền đầu kỳ	470	315	351	281	282
Lưu chuyển tiền thuần	-157	41.9	-73.0	1.55	-34.2
Ảnh hưởng tỷ giá	2.17	-6.21	2.74	0.11	1.50
Tiền cuối kỳ	315	351	281	282	250

(Nguồn: fireant.vn)